



VÀO LÍNH

Hồi ký của Lê Quốc Toàn, K20

Năm hai mươi tuổi khi còn đang theo học ở trường Đại Học Huế, chúng tôi toán MGP, tôi và Trương Ngọc Toàn tự nhiên trở chúng không muốn học nữa. Chúng tôi muốn vào lính, và muốn gia nhập vào Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Có rất nhiều nguyên nhân, nhưng lý do chính là hai chúng tôi muốn góp phần cùng các chiến sĩ thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tiêu diệt quân xâm lược Cộng Sản, do Hà Nội cầm đầu.

Tôi thì có thêm một lý do thâm kín khác. Tôi còn muốn vào Đà Lạt để được gần gũi cô láng giềng tôi yêu đang theo học tại trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân ở trên đó. Đúng là nhất cử lưỡng tiện, vừa tròn việc nước vừa được việc nhà. Toàn hiểu ước vọng của tôi nên dục tôi làm đơn gia nhập trường Võ Bị không được chần chờ.

Toàn cũng trạc tuổi tôi nhưng tướng bậm trự lăm, ra vẻ nhà binh lăm. Chưa kể anh lại là con của một vị trung tá về hưu. Vì

thế, việc gia nhập trường Võ Bị của anh thật là quá thích hợp. Ở đời mọi việc đều do duyên mà ra. Nếu tôi không quen anh thì tôi chẳng biết mô tê gì về quân đội, nói chi đến ngôi trường Võ Bị, nơi đào tạo ra các sĩ quan tài ba chỉ huy ba quân đội lẫy lừng trên bốn Vùng Chiến Thuật một thời. Cho đến nay, tôi vẫn tin một niềm tin sâu sắc rằng nếu đồng minh không bội ước bỏ ta nửa chừng, thì cục diện ngày nay đã khác. Bên thua cuộc không phải là chúng ta, không phải là quân dân miền Nam Việt Nam!

Tôi quen Toàn ở một hoàn cảnh hy hữu, mà nói đúng hơn là cái duyên. Hồi đó, vào năm 1963, tôi và anh học tại Đại Học Huế, cùng học chứng chỉ toán MGP (Mathematique General and Physic). Biết tôi nhà nghèo từ quê lên tỉnh bươn chải để học hành, nên Toàn đã kéo tôi về nhà anh để giúp đỡ ăn ở. Khi gặp cả gia đình, tôi thấy mẹ anh rất nhân hậu và các em của anh chân tình y như anh nên tôi bớt ngại ngùng mà về tá túc với gia đình anh. Thành thử cái gì khởi đầu cũng tự chữ DUYÊN. Cái duyên gặp Toàn kéo theo cái duyên gia nhập Võ Bị Quốc Gia và kéo theo cái duyên sau này là cô hàng xóm trở thành bà xã của tôi, sau ngày tốt nghiệp Võ Bị.

Trước khi vào Đà Lạt trình diện quân trường, tôi về quê tôi ở chợ Sịa trước là nói lời từ biệt cha mẹ bà con thân yêu, sau là thăm lần cuối các cảnh cũ đã đi qua quãng đời thơ ấu của tôi. Đặc biệt, tôi đi thăm phá Tam Giang, nơi tôi đã vẫy vùng trên các làn sóng biển suốt ngày tháng Hè trong tuổi ấu thơ. Cũng cần nói rõ là con phá Tam Giang đã đi vào lịch sử của đất nước và thi ca, như là:

*“.....Thương em anh cũng muốn vô
(nhưng mà) Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang.”
Nhưng mà, anh ơi đừng lo, bởi vì:
“Phá Tam Giang ngày rày đã cạn
Truông nhà Hồ nội táng Tống-Nguyên.”*

Ai đã một lần ghé qua con phá thì suốt đời không quên,

dù kẻ đó là lũ khách đường xa, hay cả người lính chiến. Chắc chúng ta không quên ca khúc “Chiều Trên Phá Tam Giang” do Trần Thiện Thanh đã sáng tác, khi tình cờ một chiều hành quân ngang qua nơi này. Quê tôi quê nghèo thời đó, nhưng cảnh non nước hữu tình thì làm sao kể hết.

Hai hôm sau, tôi từ giã cha mẹ lên Huế chờ ngày trình diện quân trường. Trong lúc tiễn đưa, mọi người tỏ ra rất ngậm ngùi. Tôi linh cảm thấy rằng sau này tôi khó lòng gặp lại cha mẹ tôi. Ngay lúc này, binh lửa đã gieo rắc một vài nơi theo gót giày xâm lược của Cộng Sản Bắc Việt. Tôi như cảm thấy tương lai đất nước không mấy sáng sủa và trách nhiệm đang đè nặng trên vai của thế hệ trẻ chúng tôi.

Trở lại Huế, tôi nhân tiện sắp xếp thời gian đi thăm các ngôi trường tôi đã từng học qua, cũng như thăm các thầy và bạn bè một thời gắn bó thân quen. Ngôi trường đầu tiên tôi đến là trường Trung Học Công Lập Đệ Nhất Cấp Nguyễn Tri Phương. Đối với tôi, ngôi trường quá lớn, quá đẹp so với ngôi trường ở làng quê tôi với mái tranh vách đất. Phương pháp dạy dỗ ở hai nơi lại càng khác xa. Tôi nhớ đến thầy Tùng dạy Sử Địa, cụ Huy dạy Toán ở năm đầu tôi học lớp Đệ Thất.

Tôi nhớ đến người bạn Lê Huân, vì anh có hoàn cảnh giống tôi, cùng là con nhà nghèo từ quê lên tỉnh học, cùng dạy kèm để kiếm cơm ăn học. Tôi nhớ nhất là các sáng mùa Đông, hai đứa tôi (hồi đó rất nhỏ, khoảng 13, 14 tuổi) mang toi, đội nón từ Gia Hội lội bộ đến trường. Khi qua cầu Trường Tiền, gió mạnh quá khiến tôi phải gồng người cho khỏi té. Cái rét rét quá chùng như xát vào mặt, mà trong bụng lại đói meo vì làm nghề dạy kèm kiếm cơm chỉ được ăn hai bữa. Chúng tôi bước qua đoạn trường này gần ba năm trời. Hiểu nhau đồng cảnh ngộ nên hai đứa tôi thân nhau, mặc dầu chúng tôi mang hai cá tính khác nhau, như mặt trời mặt trăng. Tính tôi thì nguội, tánh Huân thì nóng như lửa đốt. Anh thích tôi vì tôi hay nói về văn chương. Vì thế, hễ khi nào anh nổi giận, mặt đỏ như gấc thì tôi vội lái câu chuyện sang làm bàn thơ văn. Lúc đó, anh dịu dàng

trở lại. Cũng vào một sáng mùa Đông năm ấy, năm chúng tôi học lớp Độ Ngũ, bỗng nhiên tôi không còn gặp Huấn nữa. Anh đã bỏ học mà tôi chẳng hiểu vì lý do gì.

Mãi sau này, khi tôi đã trở thành một sinh viên sĩ quan của trường Võ Bị tôi mới biết được Huấn đã là niên trưởng của tôi. Anh đã tốt nghiệp Khóa 18, đang chiến đấu ở miền hòa tuyến. Lần theo đường binh nghiệp của Huấn, tôi được biết chỉ sáu năm sau ngày ra trường anh đã được phong chức thiếu tá, là một tiểu đoàn trưởng giỏi của Sư Đoàn 1 thiện chiến. Hai năm sau, anh được thăng chức trung đoàn trưởng. Anh giỏi binh thư lại can đảm chiến đấu, anh chỉ có tội tính nóng như Trương Phi thời Tam Quốc mà thôi. Huấn đã hy sinh tại Đường 9 Nam Lào, bỏ thân tại chiến địa. Tưởng nhớ đến lòng can trường, tận tụy phục vụ trong quân đội của anh, chính quyền địa phương đã đặt tên Lê Huấn cho một con đường tại Quảng Trị, trước năm 1975.

Ngôi trường tiếp theo tôi ghé thăm là trường Quốc Học. Khi tôi đang theo học thì trường được gọi là Trường Quốc Học Ngô Đình Diệm. Theo sử liệu lưu lại, trường do chính phủ thân Tổng Thống Diệm, là ông Ngô Đình Khả, xây dựng theo chiếu chỉ của vua Khải Định. Các học giả, các giáo sư, và các nhà yêu nước tiếng tăm như giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh... đã theo học tại trường này. Năm 1962, tôi học Độ Nhất B1. Dạy lớp này có giáo sư Hồng Dzũ Lưu dạy Toán, giáo sư Cao Hữu Hành dạy Pháp Văn, thầy Lê Khắc Phò dạy Sử Địa... Lớp tôi học có các bạn Nam Thi, Nghi, Thủy...

Nhưng người tôi ngưỡng mộ nhất chính là Đình Thị Quý Hương. Khi chúng tôi cùng học tại Đại Học Huế, chúng chỉ MGP, chỉ mình Hương đậu trong một lớp có cả trăm sinh viên. Điểm đặc biệt là Hương đang mang bầu đứa con đầu lòng khi đang theo học. Các nam sinh, trong đó có tôi, nghĩ cũng mắc cỡ.

Chiều về, tôi rời trường đạp xe thẳng lên ga xe lửa Huế.

Qua những cái vẫy tay chào tạm biệt của người ở lại và kẻ ra đi, tôi không khỏi bồi hồi xúc động. Trước đây tôi có thói quen lên ga Huế nhìn những cảnh chia tay như thế này. Nhưng đây là lần cuối, vì mai một kia tôi cũng sẽ từ sân ga này đáp tàu đi xa, vào ngôi trường mới. Nơi tôi sắp đến khác với Nguyễn Tri Phương hay Quốc Học, vì nơi đây đích thực là ngôi trường đời đầu tiên của tôi khi bước vào tuổi thanh niên. Tôi sẽ được thụ huấn tại trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Chúng tôi sẽ là những quân nhân hiện dịch, chết sống vì quân đội, vì tổ quốc. Cũng có thể tôi sẽ gặp hồi kết hiên ngang như các đàn anh của tôi, như Lê Huân.

Ngày 20 tháng 10 năm 1963, tôi và Toàn cùng mười mấy anh em nữa trình diện Quân Vụ Thị Trấn Huế để đáp tàu lửa lên Đà Lạt. Khoang tàu của chúng tôi được một tiểu đội Địa Phương Quân tháp tùng bảo vệ. Tối đó, trong khi nằm trên tàu xe lửa, lòng tôi ngổn ngang suy nghĩ. Tôi nghĩ đến cha mẹ già yếu ở quê nhà, đến tương lai đời mình ngày mai sẽ ra sao? Cô hàng xóm mình yêu có còn chung thủy nữa hay không? Liệu mình có chịu đựng nổi ngày tháng dài tại thao trường đầy gian khổ? Đang miên man suy nghĩ, tôi dụi mình vì tiếng súng và tiếng la của các anh lính Địa Phương Quân,

- “Có địch xâm nhập. Hãy nằm im tại chỗ!”

Lần đầu tiên tôi nghe như vậy cũng làm tôi “ớn” thật. Nhưng may mắn không xảy ra chuyện gì, phút chốc mọi chuyện đã trở lại bình yên. Tôi ngủ thiếp đi. Không biết từ lúc nào sáng ra xe đã đến ga Phan Rang. Chúng tôi thức dậy và chuyển qua tàu khác có trang bị bánh sắt răng cưa để leo đồi, vượt núi lên Đà Lạt.

Khoảng bốn giờ chiều ngày 21/10/63, chúng tôi đến sân ga Đà Lạt. Tại đây cũng đã có sẵn mấy chục anh em từ địa phương khác nhập đoàn cùng chúng tôi để lên xe vào trình diện Trường Võ Bị. Đón chúng tôi là các sinh viên khóa trước chỉnh tề trong bộ lễ phục bốn túi, có chút uy nghi nhưng pha

lẫn tình thân ái. Trên đường tới trường, chúng tôi được đi qua một số danh lam thắng cảnh. Đến nơi đâu họ cũng vui vẻ giới thiệu. Tôi vừa cảm kích mà vừa phấn khởi quên cả hành trình vất vả hai ngày một đêm từ Huế vào nơi đây. Tôi chạnh nghĩ đến các anh Võ Bị này,

- “Cách đây một năm họ cũng giống như mình bây giờ.”

Mà sao chỉ qua một năm được trường huấn luyện, làm cách nào mà nay trông họ dày dặn, nghiêm trang lại vừa hoạt bát như vậy. Bất giác tự nhiên trong tôi lóe lên niềm kiêu hãnh. “Năm sau mình sẽ cũng giống các anh chàng Võ Bị này.” Nghĩ đến đó tôi lại vui trong dạ dù biết rằng phía trước con đường gian nan đang chờ. Tôi nhìn qua Toàn, anh mỉm cười. Chắc anh cũng nghĩ như tôi rằng con đường mình đang đi là đúng. Mai đây, mình sẽ trở thành người trai Võ Bị, một người lính trung kiên phục vụ Tổ Quốc.

Sau một vòng đi thăm vài danh lam thắng cảnh, như thác Pren và Hồ Xuân Hương, chúng tôi được đưa tới trường. Trước tiên họ cho chúng tôi ghé vào câu lạc bộ. Các sinh viên đàn anh vẫn nói cười thân thiện, nhưng lại dạn dỏ ăn uống ít thôi. Điều này làm tôi hơi tò mò. Khoảng nửa giờ sau, các sinh viên này bảo toán chúng tôi ra tập hợp hai hàng dọc trước sân cỏ, rồi bàn giao chúng tôi cho nhóm sinh viên khác. Nhóm này coi bộ “ngầu hơn”, mặc bộ quần áo kaki vàng gọn gàng và đầu đội nón nhựa. Chúng tôi được điểm danh kỹ trước khi tiến vào cổng trường Võ Bị. Đây là ranh giới giữa cái cũ và cái mới, giữa tự do và kỷ luật, giữa vô tư và trách nhiệm.

Vừa qua khỏi cổng trường các sinh viên đàn anh bắt đầu ra uy. Họ hò hét tung trời dục chúng tôi chạy bộ. Tôi tưởng họ chỉ “dõn” thôi, có ai thay đổi thái độ từ thân thiện qua cộc cằn nhanh như vậy. Nhưng sự thật là như vậy đó. Chiều hôm đó chúng tôi bị bắt chạy nhiều vòng, một vòng dài hàng trăm mét. Các sinh viên cán bộ, tức là các đàn anh đội nón nhựa, kèm chúng tôi vừa chạy, vừa la hét om sòm. Ai chạy không

kip thì bị phạt bỏ. Cả sân trường rộng mênh mông nay toàn kẻ bỏ, người lết vô cùng thê thảm.

Chúng tôi đưa nào trông cũng te tua. Chưa chùng có đưa ‘vãi’ trong quần (đùa thôi). Thảo nào khi còn ở trong câu lạc bộ, các sinh viên đàn anh dặn dò chúng tôi ăn uống ít thôi. Tối đến đoàn “tân binh” đưa nào cũng như cái mền rách, vừa mệt vừa hoang mang. Được đưa đi hớt tóc, nạo gần như trọc, tôi nghĩ trong đầu có lẽ trường muốn chúng tôi từ nay khi rờ trên đầu ý thức rằng mình là người lính, phải bỏ thói lè phè, cũng như các thầy tu khi rờ lên đầu mình ý thức mình là ông thầy tu phải giữ tam quy ngũ giới, chưa kể ít tóc thì ít vương trong lúc tập luyện ở thao trường.

Chúng tôi chịu đựng gian khổ như vậy suốt tám tuần “tân khóa sinh“, trước khi trở thành một sinh viên sĩ quan của trường Võ Bị Quốc Gia. Tất cả chúng tôi chẳng bao giờ than vãn về nỗi khổ nhục trong tám tuần sơ khởi này, bởi nhờ vậy chúng tôi mới gạt bỏ được tác phong lè mè, cá nhân của đời sống dân sự để trở thành một sĩ quan có nhuệ khí, có kỷ luật khi ra trường chỉ huy đơn vị. Lối huấn luyện rèn luyện cả thân và tâm này của trường Võ Bị đã sản sinh cho quân đội các sĩ quan tài ba phục vụ đất nước, đơn vị, có tiến mà không có lùi.

Cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng được đào tạo từ tiền thân ngôi trường Võ Bị này. Ông đã có hoài bão đào tạo các sĩ quan xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia thành các sĩ quan có được khả năng cả quân sự lẫn hành chánh. Lúc đất nước có chiến tranh thì các sĩ quan này có tài cầm quân dẹp giặc, lúc đất nước thanh bình thì họ có tài bình định phát triển. Vì thế nên các khóa sau Khóa 20 đều có chương trình học bốn năm, thành thạo binh thư chiến pháp, lại có trình độ văn hóa đại học.

Tôi được phân phối về Đại Đội D, Toàn về Đại Đội B. Trong suốt thời gian tám tuần sơ khởi chúng tôi không được gặp nhau. Có chăng, chúng tôi chỉ nhìn nhau qua ánh mắt thay

vì tiếng nói. “Bạn có khỏe không? Ráng chịu đựng đi, gian lao rồi cũng qua đi thôi. Chúng ta nhất định sẽ thành công. Trước mắt, chúng ta sẽ trở thành một sinh viên sĩ quan có tác phong mạnh mẽ trong tám tuần tới.”

Trong giai đoạn đầu trình diện, chúng tôi vinh dự có vị chỉ huy trưởng là Đại Tá Trần Ngọc Huyền. Ông như một tác nhân tài ba đã cải tổ trường về mọi phương diện, đặc biệt nhắm vào tác phong và phẩm chất của người sinh viên kể cả đức dục và thể dục. Tám tuần sơ khởi là tác phẩm của Ông. Cách đứng cách đi, kể cả cách ăn cách uống của một sinh viên sĩ quan cũng phải văn minh tinh tế, trước khi thành một sĩ quan tài ba có dũng khí khi chỉ huy ba quân ngoài trận mạc. Hiểu về truyền thống Võ Bị như thế nên mọi sinh viên, kể cả tân khóa sinh chúng tôi, đều hăng hái rèn luyện với tinh thần tự giác.

Tiết thay, sau khoảng hai tháng Khóa 20 chúng tôi tựu trường, Đại Tá Huyền được chuyển chuyên về trung ương đảm nhiệm chức vụ quan trọng trong Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Khóa 20 đã chứng kiến biết bao vụ chỉnh lý, các tướng đảo chánh thay đổi chính phủ. Cứ mỗi lần như thế chúng tôi lại có một vị chỉ huy trưởng mới.

Khóa 20 có cả thầy năm vị chỉ huy trưởng. Đầu tiên là Đại Tá Trần Ngọc Huyền (?), tiếp theo Thiếu Tướng Trần Tử Oai, Trung Tướng Trần Văn Trung, Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Kiểm, kế đến Đại Tá Lâm Quang Thọ. Khóa 20 có trên bốn trăm cánh chim từ bốn phương trời tụ lại, mang màu sắc rực rỡ của văn hóa đa diện từ mọi miền đất nước. Cũng như mọi khóa, chúng tôi tụ lại với mỗi tình đoàn kết keo sơn, trước hết thỏa nguyện chí trai đạt tương lai binh nghiệp, cùng chí nguyện dẹp hết quân thù Cộng Sản, xây dựng một quê hương Việt Nam tươi đẹp.

Tôi về Đại Đội D, nơi quy tụ đủ Nam Trung Bắc. Tôi hòa mình vào sinh hoạt hài hòa của đồng đội, phản ảnh qua giọng nói, tiếng cười và các câu chuyện. Cả trong tám tuần sơ khởi

huấn nhục, các bạn không tỏ ra nao núng, có dịp vẫn tiết ra tính chất trào lộng thâm trầm đáng yêu. Nhờ thế, tôi yêu mến các khóa sinh đồng đội mới quen biết rất nhanh chóng.

Thuộc Trung Đội 12 ở tuốt Lầu 3, tôi ở chung với Lê Trực từ khi vào trường đến khi ra đơn vị. Chúng tôi chia sẻ những vui buồn đặc biệt trong tám tuần huấn nhục. Tôi khuyến khích và an ủi Trực mỗi khi anh tỏ ra bi quan sợ không qua nổi tám tuần gian khổ. Mà thực ra tôi cũng chẳng hơn gì anh về thể lực, mà có khi còn thua. Nếu có hơn anh là vì tôi đã quen chịu đựng khổ nhọc ngay từ thời ấu thơ.



Đà Lạt trước năm 1975

Sau này có dịp về Cali họp khóa, nhắc lại kỷ niệm xưa, Trực hơi mắc cỡ đáp lại bằng nụ cười hiền lành dễ thương, khác xa với Trực ngoài đơn vị, “dữ dằn” lắm đó. Tôi với anh cùng ở chung miền quê Sịa bên phá Tam Giang. Anh, hơn tôi một tuổi, phát xuất từ gia đình khoa bảng có tiếng. Tôi coi Trực như đàn anh, nhưng anh lại xem tôi như người bạn đồng tuổi chia sẻ vui buồn. Anh luôn kết thúc câu chuyện bằng nụ cười hiền lành đôn hậu. Nhưng nay anh đã ra đi rồi!

Đại Đội D của tôi vui lắm. Cùi nào cũng có một nick name như Thuyền cùi ruồi, bởi vì anh chàng này khi nào cũng cười ngay cả khi đại đội bị các cán bộ niên trưởng phạt tằm mặt mày. Dù như vậy khi được gọi lên trình diện trước hàng quân,

anh vẫn nở nụ cười mặc dầu nói không ra hơi. Thương thay Thuỳên yếu mệnh. Ra đơn vị chỉ một tháng sau là tôi nghe tin Thuỳên hy sinh!

Đại đội tôi có các cùi trong ban văn nghệ thỉnh thoảng trình bày lời ca, tiếng nhạc trên đài phát thanh Đà Lạt. Đó là các cùi Quách Vĩnh Trường, Nguyễn Văn Tuấn, Trần Đình Trọng. Có Nguyễn Mạnh Tông với bài thơ ‘*Đưa Tay Lên Ta Nắm Lấy Thiên Đường*’. Ngoài ra có Lê Văn Triết to con, mặt mày như ông kẹ. Hồi mới vào tôi và Triết cùng ở chung đại đội D. Thấy anh, tôi hơi ón. Về sau, cùng ở chung lâu ngày, tôi mới thấy anh hiền như ông Phật, tính tình rất chi là dễ thương không mất lòng ai.

Đặc biệt trong Đại Đội D, tôi nhớ nhất là cùi Vũ Phúc Sinh, vì Sinh có những điểm giống tôi. Lúc 10 giờ ngày 25 tháng 10 năm 1965 chúng tôi mang lon thiếu úy thì 4 giờ chiều cùng ngày chúng tôi làm lễ thành hôn với người đẹp xứ hoa đào. Mãi ba năm về sau vào dịp Mậu Thân 1968, hai đại đội thuộc Tiểu Đoàn 3 thuộc Trung Đoàn 44 Sư Đoàn 23 Bộ Binh, do tôi và Sinh chỉ huy, đã hợp đồng tiêu diệt hầu như toàn bộ Tiểu Đoàn 481 Đặc Công Cộng Sản vào ngày 27/2/1968 tại lao xá Phan Thiết.

Kỷ niệm với anh em Đại Đội D thuộc Khóa 20 nói sao cho hết. Trong khuôn khổ hồi ký ngắn gọn này tôi chỉ nêu ra vài cá nhân tiêu biểu của một thời, để nhớ.

Trước năm hôm mãn khóa, trường mời Chuẩn Tướng Bùi Đình Đạm lên thuyết trình. Trước khi mở đầu bài nói chuyện, ông ngồi nhìn xuống chúng tôi, cười nhẹ trong lúc thỉnh thoảng im phăng phắc lắng nghe bản nhạc Anh Đi Chiến Dịch của nhạc sĩ Phạm Đình Chương, qua tiếng hát của nữ danh ca huyền thoại Thái Thanh.

Bài hát gợi cho tôi nỗi buồn vì chỉ còn mấy ngày nữa tôi sẽ xa mái trường Võ Bị đầy ắp kỷ niệm với bạn bè thân yêu. Bài hát như nhắc nhở tôi mai này khi ra đơn vị chúng tôi phải hoàn

thành trách nhiệm Tổ Quốc giao phó. Trường mẹ Võ Bị Quốc Gia luôn theo dõi sát các bước chân hành quân của những đứa con vừa xuất thân, dù ở góc biển chân trời, rừng núi hay nơi sinh lũy. Hãy tiến lên, anh em tân sĩ quan chúng ta ơi!

Hai tiếng đồng hồ trôi qua nhanh chóng vì chúng tôi bị mê hoặc với nội dung bài nói chuyện và thuyết trình viên. Bài nói chuyện như một hồi còi xung trận, thích hợp với tâm trạng của chúng tôi lúc bấy giờ.

Đọc đến đây chắc có người hỏi, trong phần đầu tác giả có viết trước là vào Võ Bị, sau nữa để gặp cô hàng xóm yêu dấu. Suốt câu chuyện chẳng nghe kể gì đến cô hàng xóm. Thế rồi phút chốc lại kể rằng lễ thành hôn được tiến hành vài giờ sau lễ gắn lon thiếu úy tại vũ đình trường. Thế cô dâu là cô hàng xóm, hay là một bóng hồng nào khác, mà tác giả đã quen cả người tình xưa?

Xin thưa cô dâu chính là cô hàng xóm năm xưa. Mỗi tình của chúng tôi có lắm thử thách tưởng chừng không qua nổi. Cô hàng xóm này cũng như cô hàng xóm trong thơ của Nguyễn Bính, nhưng có khác vì cô hàng xóm Nguyễn Bính chỉ có trở ngại vì đậu mỏng toi mà thôi:

*“Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái đậu mỏng toi xanh rờn
Già đờng có đậu mỏng toi
Đêm nào tôi cũng sang chơi bên nàng.”*

Còn chúng tôi bị ngăn cách, vì bức tường giàu nghèo. Cô hàng xóm tôi yêu đẹp như một bông hoa, kẹt một nỗi nhà cô giàu lắm, giàu nhất tổng Sịa bấy giờ. Cô lại là con gái quý, độc nhất trong một gia đình chỉ có mấy anh trai. Còn nhà tôi thì nghèo. Tôi phải dạy kèm kiếm cơm khi đi học, thành ra mình chỉ yêu thầm, ngại nói ra. Cho đến mùa Hè năm 1963, cô nàng từ Đà Lạt ra thăm quê Sịa và dự định nghỉ ba tháng Hè tại quê nhà. Dịp này cô ngỏ ý nhờ tôi đến nhà để kèm cô học thi bằng Tú Tài 1. Thời đó tôi có khiếu dạy luyện thi các lớp concourt

(đề vào Đề Thát công lập), Tú Tài 1 và 2. Đậu xong tôi mới lấy tiền nên lớp học vì thế có uy tín. Tôi nghĩ có khi vì vậy mà cô hàng xóm năm xưa để mắt xanh chọn tôi kèm học.

Mẹ mất sớm nên cha cô rất thương cô. Nhà giàu nên ông mua cho cô ba cái nhà, một ở Huế, một ở Đà Lạt, một ở Sài Gòn. Cô chọn Đà Lạt vì khí hậu mát mẻ tiện cho việc học hành. Buổi đầu hạnh ngộ sau gần mười năm xa cách. Cô bây giờ là một thiếu nữ xinh đẹp, bình dị, dễ mến, biết thương và giúp đỡ những người nghèo khó. Chính điểm này đã làm tôi cảm kích. Và rồi chúng tôi không biết đã yêu nhau tự lúc nào.



Hình ảnh của tôi và vợ, vốn là cô hàng xóm cũ.

Hết hè cô hàng xóm tôi yêu phải trở lại Đà Lạt học hành cô lấy cho được bằng Tú Tài 1 khiến chúng tôi lại xa nhau. Tôi buồn và cảm thấy cô đơn. Không biết ra đi cô có buồn như tôi không? Mấy tuần đầu hai chúng tôi gửi đều thư cho nhau, nhưng về sau nhạt dần.

Tôi vào Võ Bị bị trước để thỏa chí trai, phục vụ Tổ Quốc, sau cũng có ý gán gửi người tôi yêu. Thế nhưng sau tám tuần sơ khởi, tự tôi cảm thấy không nên tiếp tục gắn bó với nàng nữa. Suốt cả một năm trời tôi ít khi ra phố Đà Lạt dạo chơi như các bạn sinh viên khác. Chủ Nhật tôi đến câu lạc bộ trường tập

đợt đàn piano, cây đàn bỏ không ít ai đụng đến. Cứ như vậy tôi vui với hoàn cảnh mới, ít khi nghĩ đến cô láng giềng, quyết chí rèn luyện dù ở thao trường hay trong lớp học văn hóa.

Thời gian thấm thoát thoi đưa. Mới ngày nào đó chúng tôi là những tân khóa sinh e ngại khi lần đầu tiên vào lính, cố gắng vượt qua tám tuần huấn luyện, nay chúng tôi đã trở thành các sinh viên đàn anh gạo cội của trường. Ngày Khóa 19 đàn anh ra trường, chúng tôi cảm thấy trống vắng và luyến tiếc như mất mát một cái gì quen thuộc và thân thiết. Mặc dù cách đây một năm thôi, số đàn anh đội nón nhựa làm cán bộ cho Khóa 20 được chúng tôi gọi đùa là ‘hung thần’.

Khóa 19 đi rồi, Khóa 20 lại tiếp đón Khóa đàn em 21. Chúng tôi huấn luyện họ có phần thoải mái hơn. Họ bị thọ phạt ít hơn, không như chúng tôi chỉ một năm trước đây chịu đựng nặng nề hơn. Được như vậy vì đây là ý muốn của vị tân chỉ huy trưởng, lúc đó là Thiếu Tướng Trần Tử Oai. Vì thế thành thử truyền thống huấn luyện tân khóa sinh của Đại Tá Trần Ngọc Huyền một phần bị giảm nhẹ, không biết các khóa sau thì thế nào. Riêng đối với tôi dù đã trải qua thời huấn luyện gian nan, tôi vẫn cho rằng truyền thống trường Võ Bị do Đại Tá Huyền gây dựng là rất cần thiết, để huấn luyện các tân sĩ quan có đủ bản lĩnh một mai ra gánh vác đơn vị.

Những ngày sắp ra trường chúng tôi vừa vui, vừa buồn, vừa có chút lo âu. Vui vì sắp đạt được kết quả ước mong, buồn vì mai một đây chúng tôi sẽ người một ngã khó được gặp nhau, lo âu rằng mình có gánh vác nổi trách nhiệm của đất nước giao phó hay không? Riêng tôi, tôi mang hoài bão một khi tôi chỉ huy đơn vị dù lớn hay nhỏ, tôi sẽ nói cho toàn thể lính của tôi hiểu vì sao ta chiến đấu, cho lính của tôi hiểu chiến đấu là vinh dự, giang sơn chỉ được an bình chỉ khi nào Cộng quân bị tiêu diệt. Lính của tôi khi cầm súng xung trận phải vững tin vào điều đó. Trên thực tế tôi đã làm điều này. Tôi thường cho binh sĩ học tập chính trị sau mỗi chuyến hành quân trở về. Tôi mang ước vọng huấn luyện lính đơn vị của tôi trở thành các

chiến sĩ thiện chiến, đoàn kết trong đơn vị và được dân chúng kính trọng.

Chuyện ngắn, chuyện dài về những ngày trui luyện trong trường mẹ nói sao cho hết. Đến đây, tôi xin nói về đoạn kết có chút lãng mạn của cuộc tình của tôi và cô hàng xóm, thay đoạn kết của bài hồi ký VÀO LÍNH này.

Số là, Tết năm 1964 đa số sinh viên sĩ quan Khóa 20 được trường cho nghỉ phép về ăn Tết với gia đình. Riêng tôi thì quê nhà ở xa xôi quá. Cố nén nhớ thương, tôi ở lại trường ăn chung cái Tết xa nhà với các bạn đồng đội cùng cảnh ngộ. Qua đêm mùng hai Tết, buồn quá nên tôi ra quán cà phê Thu Thu và rủ một cô bạn đi ăn hũ tiếu đêm, sau nhà hàng Shanghai. Khoảng mười một giờ đêm, tôi bất ngờ trông thấy hai cô gái vừa từ ngoài đường kéo nhau vào ăn. Nhìn kỹ, tôi thấy cô trẻ và đẹp hơn lại chính là cô hàng xóm năm xưa của tôi. Sau khi nhìn thấy tôi, cô bật khóc và ù chạy ra khỏi quán.

Tôi biết rằng tôi có lỗi. Chính cử chỉ vừa chạy, vừa khóc của nàng đã nói lên nàng còn yêu thương tôi. Chỉ vì tôi quá tự ty mà gần một năm trời ở tại Đà Lạt tôi chẳng một lần đến thăm. Bất giác tôi chạy theo và bắt kịp nàng tại góc đường Phan Đình Phùng. Tôi riu rít xin lỗi và nói cho nàng biết rằng hơn một năm qua tôi tự làm khổ tôi. Vì mặc cảm đến nỗi tôi không ra thăm nàng. Kể từ giây phút đó, chúng tôi không để mất cơ hội, gắn bó cho đến hôm nay.

Thế là vào ngày 25 tháng 10 năm 1965, cùng một lúc, tôi đã nhận được hai niềm hạnh phúc lớn nhất trên đời: Vừa trở thành một tân thiếu úy của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, xuất thân từ trường sĩ quan Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, lại vừa có cô hàng xóm xinh xinh tôi hằng mơ ước làm vợ hiền. Đám cưới của chúng tôi có Lê Trục và Trương Ngọc Toàn làm phụ rể. Làm sao tôi có thể kể hết niềm hạnh phúc này!

PORTLAND - OREGON, đêm 31/5/2021.

Em Chỉ Là Dâu Võ Bị

Lê Kim Nga, K27/1

Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Bao năm lắm lối bước theo người
Ngọt bùi cay đắng đều ôm đủ
Cảm nhận tình xưa của một thời

*Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Tình yêu duy nhất vẫn trên ngôi
Yêu người từ thuở ngày xưa ấy
Đỏ rục alpha đẹp tuyệt vời!*

Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Thế thời thời thế gió mưa rơi
Trái tim sùng bái đầy kiêu hãnh
Võ Bị trong em mãi rạng ngời

*Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Băn khoăn ngờ ngác chuyện bên trời
Trường xưa chuyện cũ rồi bao chuyện
Trăn trở cùng ai những miêng lời*

Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Khát khao mong ước tiếng reo cười
Lâm Viên hạnh phúc lời tình tự
Võ Bị vang danh đến vạn đời





Mùa Vu Lan Nhớ Mẹ

Song Vũ, K17

Năm 1965 trong một trận đánh tại Thạnh Phú Kiến Hòa, tôi bị thương suýt chết. Trong lúc cho dừng đơn vị để xác định lại điểm đứng trên bản đồ dưới một gốc dừa thì một tiếng nổ xé xẹt qua. Tôi chỉ kịp nhìn thấy một búng máu tung tóe lên tấm bản đồ hành quân 1/50 ngàn tôi đang mở rộng ra xem, Hạ Sĩ Mùi mang máy đứng sát bên cạnh tôi kêu: “Chết em rồi” và ngã đổ lên gốc cây dừa. Tôi nhìn lại thấy ngực mình bật máu, chiếc túi áo trận rách toạc chỗ gần trái tim. Cùng lúc có tiếng la lớn của Trung Đội 2 ở phía bên cánh phải:

- ”Nó đeo trên cây dừa bên hông kia kia!”

Cùng lúc tiếng súng tiểu liên và garant vang lên. Tên du kích cùng cây súng bá đờ rơi từ trên cây xuống rớt thẳng vào mương nước như một bịch đất. Thì ra tôi chính là mục tiêu bắn tỉa của hắn.

Vết thương thoát nhìn có vẻ nguy hiểm chết người, nhưng khi y tá cắt áo lau chùi băng bó thì không đến nỗi nào. Viên đạn xẹt ngang ngực vì tên bắn tỉa và tôi trên cùng một bờ mương. Sống chết rõ ràng có số mệnh. Phải chi mục tiêu của tên du kích khờ khạo kia nằm vuông góc với cây súng. Viên

đạn sẽ xuyên qua tim. Năm Quân Y Viện 7 hai tuần, xuất viện nghỉ thêm một tuần nữa, tôi trở về Sài Gòn thăm mẹ. Khi thấy tôi về, bà cười tươi, nét mặt rạng rỡ hẳn lên. Vì tôi không báo tin bị thương nên bà cũng không biết, cho đến lúc về nhà, tôi cũng dấu vết. Tôi thăm nghĩ, mọi việc đã qua rồi có nói ra chỉ làm thêm phiền muộn lo lắng cho mẹ. Câu đầu tiên mẹ hỏi:

- Con nghỉ phép hả?

- Dạ, thưa mẹ con được nghỉ một tuần

- Chà! Sao kỳ này được nghỉ nhiều thế?

- Vì đơn vị con đi hành quân liên miên ba tháng rồi nên được nghỉ bù.

- À thì ra thế.

Rồi mẹ hỏi tôi muốn ăn món gì để đi chợ mẹ nấu cho ăn. Tôi hững hờ:

- Mẹ cho con ăn món gì cũng được. Mẹ nấu món nào cũng ngon mà! Rồi tôi nói thêm.

- Cha bố anh chỉ được cái nịnh mẹ.

Nhìn mẹ mái tóc đã bạc màu theo thời gian, những nét nhăn trên trán trên hai khóe mắt ngày càng rõ ràng hơn. Mới đó mà cũng đã 5 năm rồi từ ngày tôi vào lính; hình ảnh không xóa nhòa trong tôi là buổi trưa khi mẹ đưa chân tôi ra cửa với chiếc túi xách nhỏ trong đó có vài bộ đồ lót, đồ vệ sinh cá nhân. Mẹ còn bỏ vào đó vài trái cam lo đi đường khát nước. Trình diện Quân Khu Thủ Đô lúc 3 giờ chiều rồi ngồi chờ đông đủ các bạn khác đang lục tục kéo tới, sau đó lớp lính mới chúng tôi lên xe GMC để chở ra ga đi xe lửa lên Đà Lạt. Khởi đầu một vòng quay của định mệnh. Tôi vào lính. Thế mà cũng đã 5 năm tính cho đến giờ phút này.

Bạn gái hậu phương cũng có một hai cô nhưng cô nào cũng ở xa tí tấp, liên lạc qua thư từ hình ảnh sưng vey thoi, nên khi về Sài Gòn tôi thường la cà các tiệm sách Khai Trí, hoặc Xuân Thu để tìm sách đọc. Mẹ tôi có lúc nhắc khéo:

- Sao con không kiếm cô nào về sanh cho mẹ một đứa đích tôn?

Tôi lảng tránh:

- Thời buổi chiến tranh lung tung thế này, vợ con làm gì cho vương bận hả mẹ?

Cuộc chiến cứ mỗi lúc một tăng thêm cường độ. Những cuộc hành quân ban đầu phần lớn là đi tìm diệt các toán du kích hoặc các đơn vị địa phương. Giờ đây chúng tôi đã bắt đầu chạm súng với các đơn vị chủ lực Miền gồm lính chính quy được trang bị vũ khí hiện đại từ miền Bắc xâm nhập. Tình hình chính trị đáng lý cần sự ổn định thì ngược lại ngày càng be bét, nay đảo chính mai chính lý. Người lính chiến đấu nào có chút ít ý thức chính trị đều không khỏi băn khoăn lo lắng cho vận mệnh đất nước.

Hai

Chủ Nhật tôi tính đi xem phim thì mẹ bảo:

- Chú Thuần tháng trước có tới thăm mẹ và hỏi thăm con. Nếu rảnh con cũng nên ghé thăm chú.

- Vâng, để chiều nay xem phim xong rồi con ghé. Tôi nói.

Chú Thuần là bạn vong niên của thầy tôi. Chú kém thầy 5 tuổi. Chú là con cụ Bá Nghi cùng gốc Hà Nam với thầy. Khi thầy tôi lên Hà Nội học có ở trọ nhà cụ Bá, thành ra quen biết khá thân với chú. Khi thầy học xong và ra làm công chức ở Hải Phòng, chú bỏ học ngang đi làm tàu viễn dương của Pháp. Tính chú sôi nổi thích ngao du đây đó, cuộc sống cũng khoáng đạt rộng rãi nên rất quảng giao. Thỉnh thoảng khi tàu hàng của chú về cập bến Sáu Kho Hải Phòng, chú thường về nhà tôi ăn uống nghỉ ngơi. Cuộc đời của chú cứ lang thang bất định như thế cho tới tận năm 1952 chú mới lập gia đình chính thức. Lúc đó chú cũng đã ngoài 50. Nhà chú ở ngõ Đội Có Phú Nhuận.

Khi tôi tới thăm chú thím đang ngồi tính toán sổ sách xuất

nhập hàng. Chú thím mở một tiệm chế biến bột nhi đồng ở ngay tại nhà trong hẻm để kiếm sống.

Thấy tôi chú mừng lắm, chú hỏi tôi đủ thứ chuyện từ gia đình tới xã hội làm tôi cũng lúng túng không biết phải trả lời câu nào trước câu nào sau. Khi hỏi tình hình chiến sự, tôi cho chú biết là Cộng Sản ngày càng trắng trợn vi phạm hiệp định Genève. Chúng dùng quân chính quy xâm nhập từ miền Bắc vô để trực tiếp chiến đấu chống lại quân đội ta. Chú suy nghĩ rồi nói:

- Trước sau gì thì tình hình cũng sẽ như vậy thôi. Vì nền tảng chính trị của chúng ta quá bấp bênh, trông nhờ dựa dẫm vào ngoại nhân nên không thể vững vàng được. Còn Cộng Sản thì chúng khôn khéo hơn chúng ta nhiều. Chúng dựa trên cái nền Cộng Sản toàn thế giới nhất là Nga và Tàu đứng đằng sau hỗ trợ hết mình nên càng khó trị. Thêm vào đó, Cộng Sản chúng chịu khổ giỏi hơn chúng ta, chúng hầu như chẳng có gì để mất nên chiến đấu kiên cường hơn chúng ta.

Tôi nói với chú:

- Cái khổ nạn của đất nước chúng ta có lẽ là bắt nguồn từ đây. Chúng ta luôn sẵn sàng chấp nhận làm lính tiên phong cho tất cả các mặt trận. Chúng ta không có ý thức sinh tồn trong tư thế của một dân tộc độc lập. Lịch sử cha ông để lại chỉ rõ, vì quyền lợi của dòng họ, vùng miền, mỗi lần chúng ta cầu viện ngoại bang sang giúp là thêm một lần mất nước. Giờ đây cộng sản Miền Bắc đang lập lại lỗi lầm tày đình đó. Cái họa diệt vong luôn đến từ bọn Tàu phương Bắc đã bị phủ mờ trước tham vọng của giới lãnh đạo Cộng Sản cuồng tín tin vào một thế giới đại đồng ảo tưởng.

Hai chú cháu ngồi nói chuyện một lát thì chú bảo:

- Cháu chiều nay ở lại đây ăn cơm với chú thím.

Tôi định thoái thác, có vẻ chú biết ý bảo:

- Ở đây chơi đi, chả có thời gian nào chú cháu mình có dịp

tâm sự, nhân tiện để chú giới thiệu cháu với ông bạn hàng xóm của chú. Ông này coi tử vi hết sảy, xem vận hạn của cháu ra sao.

Nghe nói tới xem tử vi, tôi nổi máu tò mò. Hồi còn nhỏ nghe mẹ tôi kể lại, ông nội có lấy một lá số bằng chữ nho cho tôi và bảo rằng tôi có số sống xa quê hương. Khi gia đình vào Nam tôi nghĩ có lẽ điều ấy ứng với số tôi rồi. Khi ra trường tôi đôi khi cũng có ý tìm tòi học hỏi môn tính toán này. Cuốn sách tôi có thời điểm đó là cuốn Tử Vi Đẩu số của Vân Đằng Thái Thứ Lang. Nhưng rồi tính tôi lười nhác đọc đầu quen đó và không chú tâm học nên cũng chẳng thu thập thêm được gì ngoài trừ những câu đoán vô thưởng vô phạt chung chung khiến tôi không còn thích thú với môn này cho lắm.

Bấy giờ tối, ăn cơm nước xong hai chú cháu tôi mới qua nhà ông bạn của chú Thuần. Ông tên là Quốc. Người chung quanh đó gọi ông là thầy Quốc. Lúc chúng tôi sang tới nơi ông cũng vừa tiễn một người khách có lẽ tới hỏi việc. Thấy chú Thuần, ông Quốc đơn đả chào mời vào nhà. Chú giới thiệu tôi với ông, nhưng chú giấu không nói tôi là một quân nhân. Chú chỉ nói đây là cháu của chú, đang đi học và nhờ thầy xem số mạng của cháu sau này ra sao, nên học ngành gì...

Thầy Quốc quan sát tôi rất kỹ trước khi hỏi ngày sinh tháng đẻ của tôi. Tôi nói đầy đủ các thông tin cần thiết sau đó thầy bấm tay tính toán. Trầm ngâm một lát rồi ông nói:

- Lạ thật, số này đáng lý cậu phải đi lính rồi mới đúng chứ. Nếu còn đi học thì cũng sẽ phải bỏ ngang thôi.

Rồi ông ngưng không nói nữa hình như để thăm dò phản ứng của tôi. Tôi đưa mắt hỏi thăm ý kiến của chú Thuần. Chú Thuần đỡ lời:

- Cháu nó cũng đang tính bỏ học để đi làm.

Tôi gật gù như về đồng ý.

Ông Quốc nhìn tôi rồi nói tôi phải cẩn thận trong tháng 5

này vì có một tai nạn lớn với tôi. Tôi giật mình.

- Tai nạn có sao không thầy? Tôi giả tảng hỏi.

- Không sao, có bề trên giúp đỡ rồi qua khỏi thôi. Nhưng mà số của cậu này cao lắm không chết được đâu mà sợ. Cuộc đời của cậu luôn đi trên vách vôi sinh tử, sơ sẩy là lọt hố tử thần. Nguy nan trùng trùng nhưng may mắn thoát nạn là nhờ hồng phúc ông bà tổ tiên.

Chú Thuần hỏi:

- Sau này cháu nó có ăn nên làm ra không thầy?

Thầy Quốc bảo số này có số xuất ngoại đây, cuộc sống không thiếu thốn gì nhưng bảo là giàu có thì không. Tôi vẫn lần thân với ý tưởng xuất ngoại là từ Miền Bắc vào Nam sau lần vượt Vĩ Tuyến 17 nên cũng không thắc mắc gì thêm. Cả ba ngồi nói chuyện tán dóc thêm một hồi rồi chú Thuần rút bóp lấy tiền trả cho thầy Quốc. Thầy gạt đi, ông với tôi mà tiền bạc gì. Và lại những lời đoán đó là tổng quát thôi còn lấy tử vi vận mạng cả đời thì mới tính.

Ngoài ra thầy Quốc còn nói với tôi:

- Ngày sinh tháng đẻ của cậu gồm toàn Hỏa và Thổ. Kim cường thổ mạnh nên quá cứng rất dễ gãy. Tôi cho cậu một lời khuyên: Một câu nhịn là chín câu lành, dù có ai khích bác gì thì ráng mà chịu, trong giao dịch làm ăn đừng bốc đồng kéo rước vạ vào thân.

Tôi cảm ơn ông. Chú cháu tôi chào từ biệt ra về. Trên đường về chú Thuần hỏi tôi sao ông ấy đoán ra sao? Tôi giấu chú về vụ bị thương mới đây nên nói:

- Cũng khá đúng, chú à.

Đêm hôm đó về nhà tôi thao thức quá nửa đêm không ngủ được. Chẳng lẽ con người ta có số phận thật sao? Và nếu có thì chẳng lẽ mọi sự phấn đấu vươn tới của con người là vô ích sao? Sau này khi kinh qua nhiều thăng trầm khác của cuộc đời hai chữ định mệnh đối với tôi trở nên quen thuộc và dễ hiểu

hơn nhiều.

Sáng hôm sau tôi có kể lại câu chuyện lời thầy Quốc với mẹ. Mẹ tôi bảo lúc tôi mới sinh ra được mấy ngày, ông nội có lấy cho tôi một lá số tử vi bằng chữ nho nên cả nhà cũng chẳng ai đọc được. Ông nội tôi nói số thầy này sau khi lớn lên thân lập thân, bố mẹ chẳng để lại cho nó thừa hưởng được cái gì. Mà có để lại nó cũng không hưởng được. Thầy tôi nghe nói vậy không tin vì lúc đó ngoài là một công chức ở tòa án Hòa Giải Hải Phòng, ông còn là một thương gia xuất nhập khẩu có tiếng. Ông thường nói với mẹ tôi sau này lớn lên sẽ cho các con đi du học.

Đùng một cái, chiến tranh Pháp Việt nổ ra trong năm 1946. Nhà tôi nằm ngay trên đường Admiral Courbet - sau này gọi là Cầu Đất - chạy song song bên hông nhà Hát lớn Hải Phòng. Cả gia đình chạy tản cư về quê nội ở Hà Nam Phủ Lý rồi sau đó đi qua Vĩnh Bảo. Trên đường từ quê nội đi qua Vĩnh Bảo, đến Quỳnh Côi em gái tôi - cô Tuyết sinh năm 1946 - bị sài uồn ván mà mất, em gái tôi lúc đó được 6 tháng tuổi! Của cải nào có mang theo được gì vì chạy loạn nên cuộc sống quá chật vật gian nan.

Thầy tôi mất năm 1949 vì bệnh thương hàn khi em trai tôi mới chập chững biết bò. Lo ma chạy xong, mẹ dẫn hai anh em chúng tôi hồi cư. Đầu năm 1950, mẹ tôi mua căn nhà đường Phan Bội Châu và mở tiệm vàng Quảng Khánh. Tôi bắt đầu đi học lại. Năm 1953 tôi lên Hà Nội trọ học tại nhà ông bác rể ở đường Đặng Tất gần Hồ Tây. Năm 1955, cuộc chiến tranh Pháp Việt chấm dứt. Cộng Sản tràn vào tiếp quản thành phố, phát động chiến dịch đánh tư sản, gia đình tôi lại một lần nữa trắng tay.

Vì tin rằng sẽ có tổng tuyển cử thống nhất vào năm 1956 nên mẹ tôi không đi Nam. Cũng phải nói thêm, cả họ hàng nội ngoại hầu như đều ngại phải lập nghiệp tại một vùng đất mới trong khi đã có cơ ngơi ổn định tại đây. Gia đình tôi hầu như

mất sạch sau chiến dịch đánh tư bản đỏ. Còn chút vốn liếng giấu được, mẹ tổ chức vượt tuyến từ Đồ Sơn bằng thuyền vào năm 1957. Chẳng có chút kinh nghiệm hải hành nào trong hơn hai chục người ra đi, chiếc thuyền buồm bị lạc vào gần hòn Ông Hồ cửa Tùng. Cũng may chiếc thuyền buồm do Cộng Sản đuổi theo dùng súng bắn nhiều phát lên thuyền chúng tôi mà không trúng ai.

Đoàn người vượt tuyến bị bắt giữ ở gần sông Gianh. Cả đoàn chúng tôi được giải giao về nhà lao Trần Phú ở Hải Phòng. Gia đình mẹ con tôi bị nhốt ở đó hơn 2 tháng thì được tại ngoại hậu tra. Anh em tôi bị đuổi học. (Lúc đó tôi đang học lớp 9 tương đương với lớp đệ nhị trước đó, tại trường Việt Đồng - nằm trong khuôn viên chùa Quán sứ Hà Nội - còn em trai tôi đang học lớp ba trường Hưng Đạo, Hải Phòng.)

Trong hoàn cảnh quần bách đỏ mẹ quyết định sống chết cũng vượt tuyến lần nữa. Trước Tết Mậu Tuất 1958 vài ngày gia đình chúng tôi lại ra đi lần thứ hai. Lần này thuyền vượt qua sông Bến Hải tấp vào quận Hương Điền. Chúng tôi được chở về Ty Công An Thừa Thiên ở đó chờ điều tra mất gần 2 tháng thì di chuyển vào Trung Tâm đón tiếp đồng bào vượt tuyến ở gần ngã Năm Bình Hòa, Sài Gòn. Tại đây làm thủ tục và điều tra an ninh mất gần hai tháng nữa.

Tháng 5 cả gia đình tôi được gia đình con bà chị ruột của mẹ tôi đón về. Mẹ cũng kể tôi nghe trước chuyến đi sinh tử lần này mẹ có đi nhờ người quen đưa tới một vị thầy bói mù ở đường Cát Dài để hỏi ý kiến thì vị này sau khi gieo quẻ phán rằng Tết này xuất hành giờ Tý đêm giao thừa về hướng Nam thì nhất bản vạn lợi. Sở dĩ ông nói thế vì khi hỏi mẹ tôi nói với ông là đi buôn hàng chuyến. Đêm giao thừa năm Mậu Tuất cả gia đình tôi xuống thuyền cùng một gia đình ngụ ngay cạnh nhà và một số người quen biết khác gồm toàn bộ 26 người kể luôn hai ông lái thuyền, một ông tên Vĩ và ông kia tên tôi quên tên. Riêng ông Vĩ sở dĩ tôi nhớ vì sau này ông làm nghề lái taxi thỉnh thoảng có ghé nhà thăm gia đình tôi còn ông kia

sống và tiếp tục làm nghề cá ở Vũng Tàu với người quen cùng làng. (Khi kể lại câu chuyện này, em trai tôi còn nhớ tên ông thứ hai tên Nghĩa.)

Cuộc sống mới vùng đất Phương Nam cho dầu có gặp nhiều khó khăn lúc đầu nhưng chắc chắn gia đình mẹ con chúng tôi có cơ hội để sống cuộc sống tự do hạnh phúc thay vì tiếp tục bị lao tù trong chế độ cộng sản Miền Bắc trước đó. Mẹ trở lại nghề nghiệp sửa chữa buôn bán vàng bạc, khởi đầu mở tiệm tại Ngã Ba Ông Tạ. Hơn năm sau mẹ dọn qua Xóm Chiếu Quận Tư. Từ hè năm 1961 trở đi sức khỏe của mẹ yếu dần vì căn bệnh phổi trước đó. Cả đời mẹ là chuỗi ngày gian nan lận đận với gia đình. Tôi có cảm giác cuộc đời mẹ chắc chắn có ngày nào kêu là hạnh phúc. Khi thầy tôi mất, mẹ mới 34 tuổi. Mẹ chấp nhận ở vậy nuôi con vì lời hứa với thầy tôi trước khi nhắm mắt. Câu nói nhắc nhở thường xuyên với anh em chúng tôi là các con phải cố gắng học hành cho nên người để giữ đúng lời mẹ đã hứa với thầy trước khi lâm chung.

Năm 1960 khi hoàn cảnh kinh tế gia đình lâm vào thế bế tắc, và sức khỏe của mẹ cũng không được như xưa, tôi xin phép mẹ gia nhập quân đội. Bà buồn lắm. Tôi phải thuyết phục bà rằng trường Võ Bị tiếp tục cho học hành chữ nghĩa 4 năm theo chương trình đại học bà mới nguôi ngoai. Hôm chia tay khi tôi xách khăn gói lên đường, mẹ quay mặt đi vào trong nhà gạt thẳm nước mắt khiến tôi bịn rịn ngần ngừ.

Gia đình tôi bên nội chẳng có ai theo võ nghiệp. Bên phía ngoại có bác Giang, ông anh ruột lớn của mẹ là một pilot lái máy bay “bà già” ở phi trường Cát Bi. Sau này ông đi học trường Không Quân rồi ở lại luôn bên Pháp không về.

Năm 63 khi tôi tốt nghiệp ra trường, nhìn tôi cứng cáp khỏe mạnh mẹ mừng lắm. Điều quan tâm duy nhất của bà đối với con cái là sự bình an khỏe mạnh; đó là lý do tôi luôn giấu mẹ những chuyện hiểm nguy tôi từng gặp trên bước đường hành quân. Cả hai lần bị thương tôi đều không để bà hay, thậm chí

khi tôi xuất viện trở về nhà thăm bà tôi cũng không hề hé môi. Tôi rất sợ hình ảnh mẹ ngồi khóc thầm một mình vì thương con.



Khi tôi học xong khóa Chỉ Huy Tham Mưu Trung Cấp cuối năm 1968 rồi nhận được lệnh chuyển ra Sư Đoàn 23, tôi rất buồn. Ở Sư Đoàn 7 hai ba tháng tôi còn có dịp ghé thăm nhà, giờ đây xa xôi đường xá khó khăn chắc hẳn cả năm chưa chắc có được ít ngày về thăm mẹ. Mẹ hiểu ý tôi nên trong suốt thời gian nghỉ phép thấy tôi thẫn thờ lo nghĩ bà mạnh dạn bảo:

- Con cứ đi đi, nếu con không về được, mẹ sẽ ra thăm con lo gì.

Khi tôi tỏ ý lo ngại với môi trường làm việc mới, núi non hiểm trở không biết địch tình ra sao, mẹ bảo:

- Cấp trên cho con đi chắc họ cũng nghĩ là con thích hợp với nơi mới. Biết đâu vùng đất mới con lại có dịp thành công mới, cũng như mẹ con ta đời bỏ quê hương vào Nam, cuộc sống tương lai tươi sáng hơn con thấy không? Cứ yên tâm mà đi, vợ con tạm thời cứ ở với mẹ, khi nào ổn định tình hình thì mẹ sẽ cho ra đoàn tụ với nhau.

Lần chia tay này tôi không còn thấy mẹ buồn nhiều như lần tôi vào lính. Tôi làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/44 từ tháng 10/1968 sau gần hai tháng chờ đợi lệnh bổ nhiệm và một chút trục trặc vì tính tôi bốc đồng không dễ chịu sự xúc phạm - cho dù của thượng cấp. Điều này đã từ xảy ra một lần khi tôi còn là Đại Đội Trưởng Đại Đội 1, Tiểu Đoàn 3/11 trong năm 1963. Lúc đó Đại Úy Ch. là tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó là Đại Úy Đặng S. Khi tiểu đoàn kéo quân về đóng tại Thủ Thừa sau hơn 3 tháng ròng rã hết hành quân ở Vũng

Liêm, Vĩnh Long - quê hương Tướng Nguyễn Khánh - lại đi Vĩnh Bình, Cầu Kè Ô Lắc... rồi trở về Định Tường hành quân vùng Cổ Cò.

Tại Thủ Thừa Đại Úy Ch. cho phép các đại đội trưởng luân phiên nhau đi phép thăm gia đình trong ngày. Đến phiên tôi, trong lúc Đại Úy Ch. về Mỹ Tho họp hành quân và nhận lệnh, Đại úy tiểu đoàn phó không cho tôi đi vì lý do vợ vẫn là sợ tôi không về kịp trong ngày. Lý do thực sự tôi thừa biết cũng chỉ vì hiểu nhầm khi tôi đóng quân gần nhà một “hoa khôi” Cao Lãnh mà ông ta theo đuổi nhưng không được và cô gái bỏ đi Sài Gòn vì... sợ!

Khổ nỗi là bà già cô ấy lại tìm tới tôi giải bày hỏi ý kiến làm sao khuyên ông ấy đừng săn đuổi cô gái để cô ta về tiếp tục đi học. Bất ngờ trong lúc bà già đang ngồi nói chuyện với tôi thì Đại Úy S. bước vào! Tôi đứng dậy chào đón còn bà già hết hoảng trở về nhà cách đó 2 căn. Tôi nhìn nét mặt ông sa sầm, tôi biết là có chuyện. Thực tình tôi cũng không biết phân bua ra sao. Ông bắt tôi phải thay đổi vị trí đóng quân bằng cách di chuyển sang bên kia sông có cây cầu tình lộ từ Cao Lãnh đi Giáo Đức (?).

Khi đơn vị về tới Long Định nghỉ một đêm hôm sau hành quân trực thăng vận vùng Cổ Cò. Đại Úy S. dùng đại đội tôi đi đầu trong suốt cuộc hành trình trong khi theo điều động thông thường các đại đội tác chiến luân phiên nhau (để tránh làm mệt các binh sĩ vì phải thường trực cảnh giác lục soát mục tiêu trong thời gian quá lâu).

Tôi giận quá nói với thiếu úy đại đội phó của tôi trực đại đội, tôi ra ngã ba Thủ Thừa đón xe đò về Sài Gòn thăm mẹ. Khoảng 6 giờ chiều khi tôi đi ngang qua BCH/ TĐ, Đại Úy S. nhìn tôi nét mặt hầm hầm rồi bỏ đi vào trong nhà. Tám giờ tối. Đại Úy S. kêu máy bắt tôi ra trình diện ông. Tôi từ chối vì lý do an ninh và đường xa, nếu cần ông cho xe jeep vào đón tôi sẽ đi. Cuộc hẹn được dời vào 8 giờ sáng hôm sau tại chỗ đóng

quân của ông.

Sau khi làm đầy đủ thủ tục trình diện, tôi đứng nghiêm chỉnh chờ lệnh.

Đại Úy S. hỏi tôi:

- Ai cho phép thiếu úy dù về Sài Gòn?

Tôi ôn tồn trả lời:

- Tôi được biết Đại Úy TĐT cho các đại đội luân phiên về thăm gia đình trong ngày và các Đại Đội Trưởng 2, 3 và Chỉ Huy đã thi hành đúng như thế. Riêng tôi, tôi đã cho đại đội phó của tôi đi về trước rồi khi anh ta trở lại đại đội tôi mới đi.

- Thiếu Úy có biết ai là chỉ huy tiểu đoàn không?

- Tôi biết, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng đi phép và Đại Úy “xử lý thường vụ”.

- Thế tôi có cho phép Thiếu Úy đi không?

- Không, nhưng tôi có hỏi và Đại Úy trả lời sợ chiều muện tôi về lại đơn vị không kịp!

Nói đến đây bỗng dung ông ta đứng bật dậy và chỉ thẳng vào mặt tôi chửi thề:

- Đ... má mày ba gai phải không?

Ông tính ra tay đánh tôi nhưng tôi nhanh hơn gạt tay ông ta và nhân tiện xô ông ngã ra phía sau ghế. Ông chụp cây súng còn đang đeo trên dây đeo mắc trên ghế. Tôi nhanh tay hơn rút cây súng colt gài ngang hông và cho ông ta biết chỉ cần ông ta cầm vào súng tôi sẽ bóp cò!

Chuẩn Úy Th., sĩ quan an ninh, ngồi góc xa thấy thế sợ quá chạy lại can ngăn. Đại Úy S. cũng xanh máu mặt không ngờ phản xạ của tôi liều mạng và nhanh như thế. Cũng phải nói thêm ông này nổi tiếng đánh lính trong đơn vị - Một vài sĩ quan khác trong BCH/TĐ cũng chạy tới kéo tôi ra đường. Trên đường đi bộ về lại đại đội tôi nghĩ rằng chắc chắn tôi sẽ phải trả giá cho hành động nóng nảy của mình. Cũng may Đại

Úy S. không nắm được cây súng, nếu không chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng có điều bảo đảm khả năng sử dụng súng colt ông ta không thể bắn chính xác hơn tôi.

(Thời gian đi theo bảo vệ kinh sáng Đồng Tiến, suốt ngày buồn quá chẳng biết làm gì ngoài lang thang trên đồng bắt cá và tập bắn súng colt nên tôi mới mạo muội nói ra điều này!)

Tôi vẫn nghĩ, ông ta có thể rầy la thậm chí phạt trọng cấm, hoặc bãi chức vụ chỉ huy của tôi nhưng ông không thể xúc phạm tới mẹ tôi được. Mẹ tôi đối với tôi có sự tôn kính tuyệt đối và không ai được quyền xúc phạm tới sự thiêng liêng ấy.

Dĩ nhiên hệ quả của sự việc khiến tôi bị phạt 15 ngày trọng cấm và chuyển qua Tiểu Đoàn 2/11 sau khi cuộc Cách Mạng 1/11 tại Sài Gòn thành công. Sau khi đơn vị rút ra khỏi Sài Gòn, tiểu đoàn tham dự ngay ngày hôm sau một trận đánh lớn tại Dương Điền khiến Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng bị thương nặng, Đại Úy S. không được lên thay thế mà Đại Úy Phạm văn N. từ Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2 qua thay Đại Úy Huỳnh văn Ch. còn Đại Úy S. vẫn tiếp tục làm phó. Khi đơn vị trở về chùa Vĩnh Tràng nghỉ ngơi bổ sung quân số tôi bị kêu lên trình diện Thiếu Tá Trung Đoàn Trưởng Hứa Yến L.

Tôi trình bày đầu đuôi câu chuyện và Thiếu Tá L.. bảo tôi, dù muốn dù không hành động của tôi vẫn là sai. Nhưng ông cảm thông và sẽ chỉ gia tăng hình phạt từ 8 ngày lên 15 ngày trọng cấm mà không xin gia tăng tiếp theo, cộng thêm biện pháp tôi phải chuyển qua một đơn vị khác. Tôi cảm ơn ông và xách balô ra đi. Mười lăm ngày trọng cấm với lý do bất tuân lệnh thượng cấp là số ngày bị phạt của tôi được ghi trong hồ sơ binh nghiệp cho tới ngày mất nước.

Lần thứ hai lại có sự hiểu lầm khác khi tôi trình diện Chuẩn Tướng Trương Quang Ân, Tư Lệnh Sư Đoàn 23. Mọi việc hầu như suôn sẻ nếu tôi tốt nhện bởi vì sự vụ lệnh của Tổng Tham Mưu tôi mang theo khi trình diện có ghi rất rõ: Bổ sung sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn theo yêu cầu của đơn vị. Nhưng khi

tướng Ân nói rằng ông không muốn sĩ quan ở các đơn vị khác đến đơn vị ông để cướp cơm chim của lính thì tôi không chịu nổi sự sỉ nhục này. Tôi chưa hề bao giờ có ý nghĩ sẽ cướp cơm chim của bất cứ ai vì theo tôi, chỉ huy một đơn vị là cùng đơn vị chia sẻ khó khăn đồng cam, cộng khổ với đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, mà nói cho thực tình ở một đơn vị tác chiến cấp tiểu đoàn có “cơm” cháo gì mà cướp?

Tôi thẳng thắn trình bày ý nghĩ trong sáng của mình và ông tư lệnh coi sự trình bày thẳng thắn của tôi là biểu lộ của một thứ thuộc cấp cứng đầu khó chỉ huy nên giao tôi về Trung Đoàn 44 với một sự vụ lệnh mới: Bổ sung sĩ quan tùy theo khả năng đề cử chức vụ! Câu chuyện chưa chấm dứt ở đây vì sau khi trình diện Trung Đoàn 44, vị Trung Tá Chỉ Huy Trung Đoàn lúc đó lại là Trung Tá Nguyễn Bá Th. - là trưởng khoa tác chiến khi tôi còn là một sinh viên sĩ quan trong trường Võ Bị. Trung Tá Th. hỏi tôi lý do sao lại có chuyện kỳ cục này. Tôi ngòai kể hết đầu đuôi cho ông nghe.

Sau đó một tuần, khi trung đoàn tổ chức hành quân vùng núi Đá Bạc Phan Rang. Tướng Ân tới thăm Bộ Chỉ Huy Hành Quân đóng tại Cà Ná, thấy tôi đứng xơ rớ quanh đó, ông hỏi Trung Tá Th. rằng sao không cho tôi ra đơn vị tác chiến? Trung Tá Th. trả lời muốn cho tôi làm quen với tình hình của đơn vị ít ngày rồi sẽ bổ nhiệm sau. Tướng Ân ra lệnh dùng trực thăng của ông đưa tôi ra ngay chỗ Tiểu Đoàn 1/44 đang tạm dừng quân trên một mỏm núi cao. Tôi được trực thăng chỉ huy của ông thả xuống một bãi trống nhỏ trên đồi và chiếc sac marin mang theo trên lưng vì chưa được lãnh quân trang dụng cụ nào khác! Thiếu Tá A., Tiểu Đoàn Trưởng, cũng ngạc nhiên khi thấy tôi xuống chiến trường với chiếc sac marin lòng thòng không súng ống gì hết. Ông đành nói một chú lính mang máy tháo cây súng colt cho tôi mượn tạm để phòng thân - thậm chí tôi cũng chẳng có lệnh lạc là sẽ làm gì khi tới đơn vị này!

Giờ đây ngòai viết và nhớ lại những kỷ niệm này chỉ làm cho lòng tôi buồn thêm, vì về sau đó tôi đã gặp gỡ khá nhiều

các bạn cùng trang lứa cùng chung lỗi lầm vì tính thẳng thắn và trọng danh dự của một người lính. Thậm chí có những bạn vì bị hiểu nhầm chỉ vì dừng xe nói chuyện với bồ nhí của xếp mà bị đi đến mức mất cả mạng sống!

Mẹ ra thăm tôi lần cuối vào tháng 10 năm 1969 tại Phan Thiết. Mẹ ở lại với vợ chồng tôi ba ngày. Nhìn cảnh sống đơn sơ đạm bạc tạm bợ của các cháu bà rất buồn. Khi hai mẹ con ngồi tâm sự mẹ bảo sao con không tìm một chỗ ở nào cố định để cho con đi học hành tử tế chứ cứ sống vất vưởng thế này làm sao tụi nó học hành gì được.

Tôi trả lời mẹ rằng tôi đã có xin được một căn nhà trong khu cư xá sĩ quan ở Sông Mao, chừng cuối tháng này khi đơn vị trở về lại hậu cứ sẽ ở đó cố định và lo cho các cháu đi học.

Tôi không để ý tới việc mẹ tôi bảo nhà tôi lấy giấy bút ra viết ngay giỗ chạp của ông bà nội và thầy tôi trước khi lên xe đò ra về lại Sài Gòn. Sau này tôi mới nghe nhà tôi kể chuyện đó và khi mẹ mất vào cuối năm 1970 tôi hiểu ra chuyện đi thăm gặp tôi là mục đích trao lại trách nhiệm cúng giỗ ông bà trong phần hành trai trưởng của tôi. Chắc hẳn mẹ đã cảm thấy một điều gì đó không hay nên mẹ ra thăm gặp để dặn dò con cháu bồn phận với dòng họ. Ngày mẹ mất tiểu đoàn tôi đang bận hành quân vùng Tam Giác Sắt, Phan Thiết nên mãi hai ngày sau tôi mới xin được phép theo máy bay C47 trở về nhìn mặt mẹ lần cuối cùng.

Những chăm lo của mẹ đối với anh em chúng tôi còn được thể hiện bằng việc làm cuối cùng trước khi mẹ ra đi sang thế giới bên kia; mẹ mua sẵn hai phần quà một cho tôi và một cho em trai tôi để sẵn trong tủ thức ăn chờ chúng tôi về lấy mang đi. Số là hàng tháng tôi gửi ít tiền về biểu mẹ chi tiêu bằng cách gửi một chú lính có quê ở Sài Gòn nhân tiện nghỉ phép tiện ghé qua nhà đưa cho mẹ. Lần đó là Hạ Sĩ Quách Văn L. L. hẹn với mẹ sẽ qua lấy vào trưa hôm sau để ra trả phép rồi mang cho tôi. Còn em S. đang theo học khóa sĩ quan Hải Quân

hiện đang dự một lớp quân sự ở gần Sài Gòn cũng sẽ về nhà hôm ấy.

Mẹ tôi luôn có thói quen chăm nom con cái từ miếng ăn tới việc học hành. Tôi nhớ tới những ngày trọ học tại Hà Nội. Tháng tháng mẹ lên nhà ông bác rêu của tôi để thanh toán tiền trọ học và tiền ăn. Mỗi lần đi như thế mẹ chẳng bao giờ quên mang theo vài ký tôm cua bẻ đặc sản của Hải Phòng để một phần biếu cho gia đình bác H., một phần hai mẹ con dùng bữa trưa tại một quán cơm tám giò chả phố Hàng Buồm. Tôi nhớ có lần mẹ thấy móng tay tôi có vết than bùn bám trên các khớp móng tay, bà hỏi tôi lý do. Tôi thành thật kể mẹ nghe, nhà Bác H. nấu ăn bằng lò than. Để tiết kiệm, bác mua than vụn về trộn cùng bùn, nắm lại phơi khô để nấu. Tôi thấy vậy, lúc rảnh rỗi phụ bác ngồi nắm than nên tay bị tro than bám. Mẹ rung rung nước mắt bảo mẹ không muốn tôi làm chuyện đó, thậm chí còn bảo nếu tôi thích mẹ có thể mượn nơi khác cho tôi trọ học.

Cũng vì chuyện đó mà bà quyết định tôi không ăn cơm ở nhà bác H. nữa mà ghi tên ăn cơm tháng tại quán Phở Hối phố Bà Triệu - nói là để cho tiện việc học hành - còn thực chất là để tránh tình trạng phải phụ làm những việc vặt trong nhà, cho dù những việc tôi làm là hoàn toàn tự nguyện chứ không có lời yêu cầu nào của gia đình bác H. cả.

Mẹ tôi ra đi một mình vì các con đều bận việc nhà binh không có mặt trong lúc mẹ mất đột ngột vì bệnh tim mạch và phổi.

Suốt cả đời mẹ dành cho con cháu. Niềm vui của mẹ là mong con cháu nên người, không phụ lời bà từng hứa với thầy tôi trước đây. Bà từ chối tất cả hạnh phúc của riêng mình để toàn tâm toàn trí lo cho tương lai các con. Hai cháu nội đầu lòng của vợ chồng tôi đều được bà bông bế nâng niu. Gánh nặng trách vụ khiến tôi không chăm sóc được cho bà lúc tuổi già sức yếu làm tôi day dứt nhất trong đời. Điều an ủi là tôi đã mang tro cốt của bà về lại xum họp cùng thầy tôi trong nghĩa

trang của bên ngoại trong khuôn viên Hội Đồng Thiện Hải Phòng trong năm 1993.

Mẹ tôi sống rất chu đáo trọn nghĩa với gia đình bên nội. Khi thầy tôi mất năm 1949, mộ ông chôn ở Thôn Cúc Thủy Vĩnh Bảo. Ba năm sau cải táng, hai mẹ con dắt díu nhau đi mang tro cốt thầy tôi về lại Hải Phòng. Mẹ mua một mảnh đất trong khuôn viên chùa Đồng Thiện để xây mộ cho thầy. Năm 1956 khi Cộng Sản phát động cải cách ruộng đất đầu tổ địa chủ, bà nội tôi lúc đó đã trên 85 bị quy là địa chủ cũng bị lôi ra hành hạ và tước đoạt hết nhà của ruộng vườn của thầy tôi biếu cho ông bà lúc sinh thời. Bà được con cháu cất một căn chòi nhỏ sau góc vườn nhà cũ để ở. Mẹ về đón bà ra Hải Phòng ở chung được hơn một năm, bà nội đòi về sống và chết ở quê cùng dòng họ bên nội.

Khi được hỏi bà có mong muốn điều gì, bà nội chỉ ước ao có được một tấm áo quan gỗ quý cho bà khi lâm chung. Mẹ tôi làm đúng ước muốn của nội; mua cho cụ một quan tài gỗ hương theo ý cụ. Quan tài được mang ra chiếc chòi ngoài vườn, bộ ván gỗ của cụ được kê trên chiếc quan tài ấy. Mẹ lo liệu tiền bạc gói lại chăm nom bà nội tôi trước khi quyết định vượt tuyến vào Nam. Tôi biết một điều chắc chắn là cả họ bên nội tôi ai cũng nể mẹ và yêu thương mẹ qua trách nhiệm bổn phận dâu con và cung cách cư xử rộng rãi sẵn sàng giúp đỡ anh chị em mỗi khi có yêu cầu.

Mộ mẹ tôi được chôn ở Giồng Ông Tố phía bên Thủ Thiêm. Cho dù hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cứ đúng ngày giỗ nhà tôi cùng các cháu lại kéo nhau qua sửa sang chùi rửa cúng bái bà. Nhà tôi còn kể mẹ linh lắm, lâu lâu trong lúc ngủ chập chờn thấy bà nội từ trên lầu xuống vén rèm nhìn các cháu ngủ rồi lên lầu trở lại. Riêng phần tôi, trong thời gian lao tù tôi mơ thấy mẹ hai lần, một lần vào năm 1980 trước khi chuyển trại từ Vĩnh Quang đi Nam Hà và một lần vào năm 1981 trước khi chuyển trại về Nam.

Khi tôi được về nhà vào tết Mậu Thìn 1988, theo thông tục hàng năm, ngày lễ Thanh Minh và giáp Tết vợ chồng con cái lại kéo nhau qua thăm mẹ. Năm 1993 sau khi qua Hoa Kỳ một năm, khu đất Giồng Ông Tố có lệnh giải tỏa, tôi nhờ người chị bà con sang cải táng và đưa tro cốt của mẹ trở lại Hải Phòng cùng chung nghĩa trang với thầy tôi. Cũng may mắn là bên ngoài có mua một miếng đất để táng cho những người thân trong họ nên mẹ tôi được xếp nằm chung với các bác và dì bên ngoài. Sau này vào các năm 1994 và 2005 khi trở về thăm quê, tôi có lo sửa sang lại mộ của thầy và mẹ. Bỏ quê hương miền Bắc dẫn con cái lập nghiệp phương Nam, chắc mẹ chẳng bao giờ nghĩ sẽ có một ngày trở lại quê cũ đoàn tụ trở lại với thầy. Cuộc đời của mẹ quá nhiều gian truân khổ nạn, lúc mẹ mất, hầu như con cái chưa thực sự phụng dưỡng được gì cho bà. Niềm an ủi duy nhất của mẹ là con cái đều được học hành tử tế, nên người hữu dụng. Vật chất không giàu có, nói đúng hơn bà đã từng giàu có, nên bà chỉ cần niềm vui khi nhìn con cái khôn lớn nên người.

Mẹ tôi ra đi sớm quá, khi mẹ mất, bà mới 56 tuổi. Mẹ tuổi Bính Thìn hơn tôi đúng hai con giáp. Nhưng ngồi nghĩ lại, giả định mẹ tôi còn sống sau ngày 30 tháng 4 năm 75 chắc hẳn mẹ sẽ đau lòng nhiều hơn khi nhìn thấy con cái đưa đi tù, đưa lang thang rong ruổi nơi xứ người, cháu chất bị phân biệt đối xử, hành hạ bữa đói bữa no và nhất là cái họa cộng sản mà bà đã cố né tránh giờ đây lại phủ trùm xuống số phận của gia đình. Nhưng biết đâu, nếu bà còn sống, có thể bà đã bằng mọi cách đôn đốc chúng tôi dứt khoát giữ áo ra đi, bỏ lại tất cả giống như bà đã từng làm một lần? Thực sự không ai biết được.

Năm nay, tôi ngồi viết lại những dòng chữ này để tưởng nhớ tới mẹ tôi trong đau buồn và có chút hối hận vì đã không chăm sóc mẹ nhiều hơn khi mẹ còn sống. Tôi đã làm nhiều điều khiến mẹ phải buồn lo khi con cứ miệt mài chiến đấu trong nguy hiểm nơi chiến trường mà không quan tâm tới mẹ nhiều hơn.

Mọi ăn năn đều đã quá muộn. Tôi vẫn biết như thế. Nhưng sẽ tệ hại hơn nếu không có lần ân hận về một điều gì đó mình đã không làm một cách đúng mức trong đời. Viết ra không phải để con xin mẹ tha thứ vì con biết rằng mẹ luôn tha thứ cho mọi lầm lỗi của con. Viết ra để cho lòng con nhẹ bớt những ân hận lúc cuối đời.

Mẹ đã sống một đời sống hết lòng cho gia đình con cái. Con tin mẹ đang yên vui ở một thế giới khác hoan lạc, yên bình chẳng còn những khổ đau như cõi nhân gian này. Trái tim nhân hậu Bồ Tát của mẹ xứng đáng với kết cục như thế.

Trích đăng từ tác phẩm “Một Thời Chinh Chiến” của tác giả Song Vũ.